

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8-37



Số: 225 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 04 năm 2017, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư là chi nhánh của Tổng Công ty. Tại ngày 31/12/2016, số dư tiền mặt tại quỹ và hàng tồn kho của Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư lần lượt là 946.069.471 đồng và 10.666.085.928 đồng. Chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế, nên chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty.

Báo cáo Công ty Mía đường Trà Vinh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 09/10/2016 để hợp nhất vào báo cáo này chưa được kiểm toán. Tổng doanh thu, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty Mía Đường Trà Vinh lần lượt là 372.807.518.826 đồng, 349.870.698.341 đồng, 6.548.021.774 đồng, 1.708.602.544 đồng và 8.889.320.726 đồng. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn Dương từ thời điểm là Công ty con của Tổng Công ty - ngày 23/02/2016 - đến thời điểm cuối năm tài chính. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ
P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618/ Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655/ Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

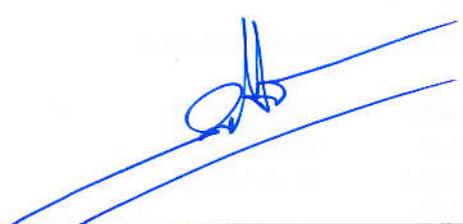
Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.




Trịnh Thị Hồng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 0026-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017



Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2013-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.126.551.188.250	1.074.508.601.310
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	149.123.135.687	447.283.095.342
1. Tiền	111		108.413.191.043	73.783.095.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.709.944.644	373.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	68.507.256.767
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	68.507.256.767
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		491.794.040.938	393.123.127.244
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	131.976.318.398	42.095.017.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	228.040.002.302	53.557.165.363
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	104.046.958.313	197.232.422.894
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	41.516.361.366	112.906.371.052
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(13.856.695.233)	(12.705.043.706)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		71.095.792	37.194.552
IV. Hàng tồn kho	140	12	449.573.000.474	146.283.831.513
1. Hàng tồn kho	141		450.147.070.818	149.696.647.912
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(574.070.344)	(3.412.816.399)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.061.011.151	19.311.290.444
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	40.879.080	6.146.665.514
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.442.721.241	10.594.802.845
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	2.577.410.830	2.569.822.085
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		755.733.702.667	563.306.883.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.654.390.794	9.312.757.692
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	2.645.570.794	9.303.937.692
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	8.820.000	8.820.000
II. Tài sản cố định	220		444.035.963.115	215.429.121.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	435.939.950.900	214.363.665.052
- Nguyên giá	222		853.204.949.585	732.747.752.235
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(417.264.998.685)	(518.384.087.183)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	8.096.012.215	1.065.455.966
- Nguyên giá	228		8.759.083.561	2.039.113.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(663.071.346)	(973.657.461)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	71.330.602.882	30.373.694.862
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		71.330.602.882	30.373.694.862
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	234.850.598.670	297.862.887.921
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		199.258.098.670	262.270.387.921
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		35.592.500.000	35.592.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.862.147.206	10.328.422.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.862.147.206	4.807.672.790
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	377.194.070
3. Lợi thế thương mại	269		-	5.143.555.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.882.284.890.917	1.637.815.485.163

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.155.038.538.557	1.000.034.225.735
I. Nợ ngắn hạn	310		1.008.154.898.450	919.394.010.203
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	189.700.647.211	91.657.953.789
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	46.211.309.546	81.202.765.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	24.320.115.277	12.451.298.551
4. Phải trả người lao động	314		10.990.774.801	12.051.112.641
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	23.466.595.943	20.728.786.279
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		610.693.819	394.886.363
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	50.991.836.507	416.354.848.995
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	660.149.368.770	282.928.994.182
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.713.556.576	1.623.363.726
II. Nợ dài hạn	330		146.883.640.107	80.640.215.532
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	37.191.336.275	36.789.799.973
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	2.359.715.170	2.210.642.503
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	107.324.743.062	41.631.927.456
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		7.845.600	7.845.600
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		727.246.352.360	637.781.259.428
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	727.174.949.746	638.013.878.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.490.990.000	430.490.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		951.386.576	2.508.917.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.168.139.760	23.795.216.497
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	210.713.669
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.726.552.864	143.146.867.379
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		9.552.597.619	96.708.586.410
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110.173.955.245	46.438.280.969
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	112.837.880.546	37.861.172.771
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		71.402.614	(232.618.688)
1. Nguồn kinh phí	431		71.402.614	(232.618.688)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.882.284.890.917	1.637.815.485.163



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
				Năm trước trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.803.269.650.380	1.385.019.082.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		762.160.002	2.079.955.405
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.802.507.490.378	1.382.939.126.982
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.571.413.834.759	1.308.368.968.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		231.093.655.619	74.570.158.176
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	31.258.705.680	26.535.607.219
7. Chi phí tài chính	22	29	63.389.975.448	12.452.436.054
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.782.927.003	12.115.156.392
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		30.485.516.434	20.639.380.566
9. Chi phí bán hàng	25	30	24.055.851.244	18.585.723.373
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	65.133.150.154	43.271.819.182
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		140.258.900.887	47.435.167.352
12. Thu nhập khác	31	31	18.503.839.827	6.164.218.121
13. Chi phí khác	32	32	3.310.781.851	2.798.185.989
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		15.193.057.976	3.366.032.132
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		155.451.958.863	50.801.199.484
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	21.018.177.736	6.983.183.533
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(150.877.628)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		134.433.781.127	43.968.893.579
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		110.173.955.245	44.914.573.497
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		24.259.825.882	(945.679.918)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.559	1.039



(Handwritten signature in blue ink)

(Handwritten signature in blue ink)

(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Văn Hội
Tông Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiên
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	01	155.451.958.863	50.801.199.484
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	43.722.617.908	29.081.301.496
- Các khoản dự phòng	03	(1.687.094.528)	2.111.801.103
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	4.619.309
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.948.902.970)	(23.298.806.674)
- Chi phí lãi vay	06	42.782.927.003	12.115.156.392
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	209.321.506.276	70.815.271.110
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(204.747.276.760)	(61.190.899.233)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(300.450.422.906)	(21.777.734.995)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(213.043.847.168)	369.657.723.806
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	8.051.312.018	835.156.374
- Tiền lãi vay đã trả	14	(43.846.977.942)	(14.977.304.328)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.860.206.920)	(9.922.560.877)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.063.794.872	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(80.254.410.918)	(6.768.682.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(628.766.529.448)	326.670.968.977
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(94.260.796.762)	(27.638.978.777)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.413.999.854	551.737.569
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.417.493.476)	(344.963.884.130)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	184.621.028.728	183.203.510.917
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	94.521.625.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.184.220.937	14.789.845.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	41.062.584.281	(174.057.768.905)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	709.707.053.875	656.124.267.512
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(349.977.248.957)	(545.751.752.953)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.185.819.406)	(9.102.049.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	289.543.985.512	101.270.464.723
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(298.159.959.655)	253.883.664.795
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	447.283.095.342	193.394.170.856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5.259.691
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	149.123.135.687	447.283.095.342



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/03/2016.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nhân giống và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhẵn, bia nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty Mía đường Trà Vinh không còn là chi nhánh của Tổng Công ty tại ngày 06/10/2016.

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công không còn là công ty con của Tổng Công ty

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

1. Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư;
2. Công ty Mía đường Trà Vinh;
3. Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5;
2. Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger;
3. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương.

Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết:

1. Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan;
2. Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Các cổ đông lớn: Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh, Công ty TNHH Kim Hà Việt;
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con (các đơn vị mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (kiểm soát) và được xác định sẽ nắm giữ lâu dài (trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính), hoạt động của các đơn vị được hợp nhất không bị hạn chế trong thời gian dài.

Danh sách công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	88,53%	88,53%	Kinh doanh thực phẩm
2	Công ty CP Bia rượu NGK Viger	Khu 7, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	71,23%	71,23%	Kinh doanh bia rượu
3	Công ty CP Mía đường Sơn Dương	Xã Hào Phú, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang	62,19%	62,19%	Sản xuất đường mía

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Danh sách công ty liên doanh, liên kết được phân ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	17,50%	50,00%	Sản xuất đường mía
2	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Số 15, Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh kẹo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 03 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là bản quyền công nghệ phân xưởng vi sinh Tổng Công ty được chuyển giao và giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng; các chi phí quảng cáo, tiếp thị sản phẩm; các khoản trả trước nhằm mục đích phát triển vùng nguyên liệu, chi phí hỗ trợ cánh tác trồng mía và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chi được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.369.543.028	1.971.614.767
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	102.043.453.515	71.811.480.575
Các khoản tương đương tiền (i)	40.709.944.644	373.500.000.000
	<u>149.123.135.687</u>	<u>447.283.095.342</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc & Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc & Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND					
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	199.258.098.670	-	199.258.098.670	-	262.270.387.921	-	-	262.270.387.921	
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	122.390.674.561	-	122.390.674.561	-	117.702.841.726	-	-	117.702.841.726	
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	76.867.424.109	-	76.867.424.109	-	70.818.902.910	-	-	70.818.902.910	
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	-	-	-	73.748.643.285	-	-	73.748.643.285	
- Đầu tư vào đơn vị khác	35.592.500.000	-	35.592.500.000	-	35.592.500.000	-	-	35.592.500.000	
Tổng Công ty Mía đường II	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-	34.592.500.000	-	-	34.592.500.000	
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh DV Sông Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	
Cộng	234.850.598.670		234.850.598.670		297.862.887.921			297.862.887.921	

b) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	50,00%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên doanh, liên kết trong năm

Trong năm 2016, nhìn chung hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết không thay đổi so với năm 2015. Kết quả kinh doanh các công ty năm 2016 đều có lãi.

c) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu, chiếm 5% vốn điều lệ.

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Kinh doanh DV Sông Hồng với tỷ lệ sở hữu 14,25% vốn điều lệ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>131.976.318.398</u>	<u>42.095.017.089</u>
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	3.170.566.992	10.151.544.474
Công ty Cổ phần sữa Quốc tế	-	1.846.300.000
Xưởng In bao bì liên doanh Sơn Linh - Việt Trung	1.437.619.354	1.437.619.354
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	1.657.220.000	1.657.200.000
Công ty Cổ phần lò hơi Ngô Châu Việt Nam	719.022.897	794.101.732
Công ty TNHH Đức Lộc	13.988.865.498	12.067.340.500
Công ty TNHH An Hà	13.902.560.001	-
Công ty CP TM và Dịch vụ Song Phương	6.209.999.991	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	2.501.930.601	-
Công ty TNHH XNK và TM Hợp Thịnh	36.446.025.000	-
Đối tượng khác	51.942.508.064	14.140.911.029
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>40.058.620.625</u>	<u>10.151.544.474</u>
Công ty TNHH XNK và TM Hợp Thịnh	36.446.025.000	-
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	3.170.566.992	10.151.544.474
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam Đài Loan	442.028.633	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>228.040.002.302</u>	<u>53.557.165.363</u>
Công ty CP XNK Hoá chất và thiết bị Hà Nội	-	30.192.499.872
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	7.012.500.000
Công ty TNHH Đức Lộc	31.884.000.000	1.584.000.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	994.179.980	450.299.999
Công ty TNHH CBNLS Tân Trung	-	430.954.000
Công ty Cổ phần Lò hơi Ngô Châu Việt Nam	26.318.800.000	808.737.265
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	16.500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung	30.306.320.000	-
Công ty SXTM Hải Hà	10.000.000.000	-
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	36.777.733.333	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	49.931.489.999	4.800.000.000
Đối tượng khác	25.327.478.990	8.278.174.227
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	<u>87.703.403.312</u>	<u>12.262.799.999</u>
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	36.777.733.333	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	49.931.489.999	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	7.012.500.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	994.179.980	450.299.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	104.046.958.313	197.232.422.894
Cho vay hỗ trợ vật tư phân bón cho các hộ trồng mía (i)	104.046.958.313	188.600.728.083
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía mua xe (ii)	-	8.631.694.811
b) Dài hạn	2.645.570.794	9.303.937.692
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía mua xe (ii)	2.645.570.794	8.054.000.000
Khoản đầu tư khác	-	1.249.937.692

Ghi chú:

- (i) Cho vay hỗ trợ vật tư phân bón cho các hộ trồng mía với lãi suất cho vay của các ngân hàng đang áp dụng cho các khoản vay của Tổng Công ty tại thời điểm các chủ hộ thanh toán tiền gốc.
- (ii) Cho các hộ trồng mía vay tiền mua xe tải, máy cày đất với lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng đang áp dụng cho các khoản vay của Tổng Công ty tại thời điểm các chủ hộ thanh toán tiền gốc.

10. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	41.516.361.366	-	112.906.371.052	(4.314.755.803)
Ký cược, ký quỹ	19.761.121.526	-	551.316.572	-
Tạm ứng	6.056.821.465	-	4.722.799.769	(56.678.919)
Phải thu người lao động	506.883.440	-	-	-
Phải thu tiền lãi bán hàng trả chậm	4.717.452.012	-	-	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	-	-	41.582.783	-
Phải thu khác	10.474.082.923	-	107.590.671.928	(4.258.076.884)
- Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	381.356.868	-	381.356.868	-
- Phải thu các nhà thầu xây dựng giá trị quyết toán chênh lệch	-	-	359.829.594	(359.829.594)
- Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	4.769.028.202	-	-	-
- Phải thu các hộ trồng mía	-	-	5.203.523.398	(3.218.288.925)
- Các đối tượng khác	5.323.697.853	-	101.645.962.068	(679.958.365)
b) Dài hạn	8.820.000	-	8.820.000	-
Ký cược, ký quỹ	8.820.000	-	8.820.000	-

11. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác các hộ trồng mía	3.251.093.472	1.062.612.291	3.218.288.925	-
Phải thu cho vay các hộ trồng mía	-	-	1.053.961.488	-
Phải thu khác các nhà thầu xây dựng giá trị quyết toán chênh lệch	-	-	359.829.594	-
Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	-	1.657.200.000	-
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.256.285.721	261.146.907
Công ty Cổ phần TP Vạn Điểm	821.256.312	-	821.256.312	-
Công ty TNHH-XNK & TM Hợp Thịnh	13.902.000.000	9.731.400.000	-	-
Các đối tượng khác	5.430.771.272	411.613.532	1.437.619.354	-
Cộng	25.062.321.056	11.205.625.823	13.108.259.147	403.215.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.187.140.772	(235.289.154)	25.446.543.900	(2.839.470.731)
Công cụ, dụng cụ	1.398.600.432	(4.931.500)	768.513.590	(124.923.009)
Chi phí SXKD dở dang	280.197.599.299	-	52.801.246.862	-
Thành phẩm	89.163.373.499	(332.004.918)	25.353.822.043	(332.004.918)
Hàng hóa	15.858.105.985	(1.844.772)	45.305.056.477	(116.417.741)
Hàng gửi bán	33.342.250.831	-	21.465.040	-
Cộng	450.147.070.818	(574.070.344)	149.696.647.912	(3.412.816.399)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	40.879.080	6.146.665.514
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	40.879.080	498.887.639
Chi phí phát triển vùng nguyên liệu	-	629.986.859
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	-	1.454.364.091
Chi phí hoạt động sản xuất đường	-	533.995.739
Các khoản khác	-	3.029.431.186
b) Dài hạn	2.862.147.206	4.807.672.790
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.501.325.924	1.430.823.635
Chi phí quảng cáo, giới thiệu SP nước giải khát	107.717.623	1.366.198.753
Chi phí trợ cấp mất việc làm	1.017.686.814	221.699.632
Chi phí trả trước hoạt động sản xuất đường	-	412.567.913
Chi phí trả trước hoạt động sản xuất nước	-	103.755.020
Các khoản khác	235.416.845	1.272.627.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	212.385.474.454	490.816.740.613	27.855.272.037	1.690.265.131	732.747.752.235
- Mua trong năm	-	999.636.219	1.043.945.455	76.298.182	2.119.879.856
- Đầu tư XDCB hoàn thành	20.718.745.157	7.934.545.113	1.257.272.727	-	29.910.562.997
- Thanh lý, nhượng bán	(138.975.257)	(249.157.347)	(3.092.986.757)	(80.090.000)	(3.561.209.361)
Tặng (giảm) do mua bán công ty con	95.994.095.495	280.458.766.555	5.131.136.901	(370.900.067)	381.213.098.884
Giảm do bán Công ty Mía đường Trà Vinh	(119.068.526.969)	(163.389.441.830)	(6.389.466.439)	(377.699.788)	(289.225.135.026)
Số dư cuối năm	209.890.812.880	616.571.089.323	25.805.173.924	937.873.458	853.204.949.585
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	125.355.260.840	375.168.808.410	16.497.475.605	1.362.542.328	518.384.087.183
- Khấu hao trong năm	11.234.117.107	30.503.213.712	1.876.512.643	101.924.111	43.715.767.573
- Thanh lý, nhượng bán	(138.975.257)	(249.157.345)	(2.519.809.201)	(47.346.838)	(2.955.288.641)
Tặng (giảm) do mua bán công ty con	32.731.586.401	2.578.547.694	5.542.882.063	(356.124.800)	40.496.891.358
Giảm do bán Công ty Mía đường Trà Vinh	(66.574.247.041)	(111.153.396.185)	(4.437.432.989)	(211.382.573)	(182.376.458.788)
Số dư cuối năm	102.607.742.050	296.848.016.286	16.959.628.121	849.612.228	417.264.998.685
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	87.030.213.614	115.647.932.203	11.357.796.432	327.722.803	214.363.665.052
Số dư cuối năm	107.283.070.830	319.723.073.037	8.845.545.803	88.261.230	435.939.950.900

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 199.547.334.718 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 221.672.260.245 đồng).
Giá trị còn lại của những tài sản đem cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2016 là 343.841.616.357 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 66.920.059.163 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	307.272.727	699.000.000	1.032.840.700	-	2.039.113.427
Tăng (giảm) do mua bán công ty con	-	7.448.310.834	(445.340.700)	-	7.002.970.134
Giảm do bán Công ty Mía đường Trà Vinh	(210.000.000)	-	(73.000.000)	-	(283.000.000)
Số dư cuối năm	97.272.727	8.147.310.834	514.500.000	-	8.759.083.561
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	307.272.727	1.899.999	664.484.735	-	973.657.461
- Khấu hao trong năm	-	-	6.850.335	-	6.850.335
Tăng (giảm) do mua bán công ty con	-	49.398.621	(83.835.071)	-	(34.436.450)
Giảm do bán Công ty Mía đường Trà Vinh	(210.000.000)	-	(73.000.000)	-	(283.000.000)
Số dư cuối năm	97.272.727	51.298.620	514.499.999	-	663.071.346
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	697.100.001	368.355.965	-	1.065.455.966
Số dư cuối năm	-	8.096.012.214	1	-	8.096.012.215

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 454.999.999 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 366.772.727 đồng).

16. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	71.330.602.882	71.330.602.882	30.373.694.862	30.373.694.862
Mua sắm	-	-	2.142.613.318	2.142.613.318
Sửa chữa lớn TSCĐ	176.810.407	176.810.407	7.808.910.975	7.808.910.975
Xây dựng cơ bản dở dang	71.153.792.475	71.153.792.475	20.422.170.569	20.422.170.569
Trong đó:				
- Hệ thống xử lý nước thải 1000m ³ /ngày đêm	-	-	11.781.784.033	11.781.784.033
Dự án nhà máy đường Sơn Dương	1.696.722.941	1.696.722.941	-	-
Dự án nhà máy điện sinh khối công suất 25MW (1)	52.975.999.733	52.975.999.733	-	-
Dự án nâng công suất nhà máy đường Tuyên Quang (2)	16.481.069.801	16.481.069.801	-	-
- Hệ thống xử lý môi trường xưởng phân vi sinh	-	-	1.274.672.362	1.274.672.362
- Công trình cảng trong cống, kè, bến bốc dỡ và đường vận chuyển mía nguyên liệu	-	-	2.816.966.841	2.816.966.841
- Dự án xây dựng TT kho Quảng Thịnh	-	-	2.631.309.083	2.631.309.083
- Cải tạo nâng cấp kho vi sinh	-	-	465.668.181	465.668.181
- Dự án xây dựng xưởng SX Cồn	-	-	268.152.820	268.152.820
- Dự án khác	-	-	1.183.617.249	1.183.617.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	189.700.647.211	189.700.647.211	91.657.953.789	91.657.953.789
Phải trả cho chủ hộ trồng mía	69.826.194.027	69.826.194.027	25.519.622.379	25.519.622.379
HTX DV NLN&VT Trịnh Hải	-	-	1.197.874.855	1.197.874.855
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lam Kinh	-	-	1.016.550.000	1.016.550.000
Công ty TNHH TMDV Công Nghệ Môi Trường Bách Khoa	-	-	7.053.585.603	7.053.585.603
Công ty Cổ phần Bao bì VLC	-	-	1.713.840.340	1.713.840.340
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	84.969.366.650	84.969.366.650	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	8.347.712.000	8.347.712.000	-	-
Đối tượng khác	26.557.374.534	26.557.374.534	55.156.480.612	55.156.480.612

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	46.211.309.546	81.202.765.677
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	22.225.439.996
Công ty TNHH thương mại XNK Minh Khang	76.000.000	5.700.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	-	5.205.000.000
Công ty CP đầu tư Thành Thành Công	6.213.562.500	4.110.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Công	85.500.000	6.523.400.000
Công ty TNHH Kim Quý Phát	-	4.806.050.000
Công ty TNHH Thương Mại Hữu Sơn	-	3.841.200.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	3.598.050.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Vương Quốc Việt	15.570.120.000	97.614.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	12.802.100.000	13.500.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hà	4.469.653.497	-
Đối tượng khác	6.994.373.550	25.082.511.681
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	30.474.273	29.708.173.643
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	3.598.050.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	22.225.439.996
Chi nhánh Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	42	3.774.884.297
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đà Loan	30.474.231	109.799.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ (PHẢI THU) NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.322.994.395	133.786.605.904	135.046.055.721	1.063.544.578
Điều chỉnh giảm Thuế GTGT (i)	-	-	615.613.352	(615.613.352)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.880.251.945	23.282.550.707	24.210.093.549	3.952.709.103
Thuế xuất, nhập khẩu	-	145.978.363	145.978.363	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.832.525.492	21.504.693.245	6.611.557.305	16.725.661.432
Thuế thu nhập cá nhân	852.048.301	760.173.239	975.762.433	636.459.107
Điều chỉnh giảm thuế TNCN (i)	-	-	400.000	(400.000)
Thuế tài nguyên	54.204.312	427.942.275	436.566.587	45.580.000
Điều chỉnh giảm thuế tài nguyên (i)	-	-	1.573.600	(1.573.600)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.509.274.106	1.602.133.770	1.602.133.770	2.509.274.106
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	11.500.000	11.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	143.873.903	139.400.000	4.473.903
Cộng	12.451.298.551	181.665.451.406	169.796.634.680	24.320.115.277
b) Phải thu				
Thuế GTGT Hàng nhập khẩu	-	-	319.700.858	319.700.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.561.739.867	2.552.679.510	2.248.649.615	2.257.709.972
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.082.218	80.241.034	72.158.816	-
Cộng	2.569.822.085	2.632.920.544	2.640.509.289	2.577.410.830

Ghi chú: (i) Điều chỉnh giảm do thành lập Công ty TNHH MTV Mía đường Trà Vinh và không còn là chi nhánh của Tổng Công ty.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	7.535.978.743	7.100.029.682
Lãi vay phải trả khác (i)	7.200.000.000	10.800.000.000
Phải trả chi phí phát triển vùng nguyên liệu	-	1.325.069.992
Chi phí phải trả tiền thù lao	-	333.905.756
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập	6.214.348.662	-
Phí vận chuyển	1.262.082.255	-
Chi phí phải trả khác	1.254.186.283	1.169.780.849
	37.191.336.275	36.789.799.973
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.698.463.698
Lãi vay phải trả khác (i)	37.191.336.275	35.091.336.275

Ghi chú: (i) Theo biên bản làm việc ngày 28/02/2017 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank, Tổng Công ty đã được giãn lịch trả nợ với mức trả nợ 7,2 tỷ đồng/năm. Tổng Công ty đã phân loại lại thành khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	50.991.836.507	416.354.848.995
Kinh phí công đoàn	392.680.820	254.550.669
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	1.758.905.830	1.579.571.149
Phải trả khoản tạm nộp chuyển nhượng cổ phần (i)	19.148.900.305	389.456.834.372
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	40.000.000
Lãi phải trả	2.700.486.511	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22.617.407.375	21.237.607.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.343.455.666	3.786.285.305
- Phải trả Công ty mua bán nợ	-	2.249.023.265
- Phải trả phải nộp khác	4.343.455.666	1.537.262.040
b) Dài hạn	2.359.715.170	2.210.642.503
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.359.715.170	2.210.642.503

Ghi chú: (i) Khoản lãi chậm nộp quỹ tiền bán phần vốn phải nộp về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước theo Công văn số 945/ĐTKDV-TCKT ngày 26/04/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	261.476.657.182	261.476.657.182	1.327.579.875.812	962.796.112.837	626.260.420.157	626.260.420.157
Ngân hàng TMCP Quân Đội	97.171.825.000	97.171.825.000	261.568.408.500	278.160.425.000	80.579.808.500	80.579.808.500
Ngân hàng TMCP Quân đội - phòng giao dịch Nam Việt Trì	1.558.787.859	1.558.787.859	2.765.134.177	2.523.922.036	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Trà Cú	20.000.000.000	20.000.000.000	68.000.000.000	88.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	20.000	20.000	216.020.956.634	107.779.780.000	108.241.196.634	108.241.196.634
Ngân hàng Eximbank	29.850.000.000	29.850.000.000	29.803.204.989	29.850.000.000	29.803.204.989	29.803.204.989
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tuyên Quang	-	-	198.000.000.000	68.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang	-	-	324.759.414.127	168.760.979.789	155.998.434.338	155.998.434.338
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang	-	-	113.868.000.000	69.640.000.000	44.228.000.000	44.228.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Thọ	1.984.336.139	1.984.336.139	13.785.357.385	14.486.763.449	1.282.930.075	1.282.930.075
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Sơn Tây	2.879.459.221	2.879.459.221	-	1.350.000.000	1.529.459.221	1.529.459.221
Ngân hàng Dầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn Tây	187.986.400	187.986.400	-	-	187.986.400	187.986.400
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Hoàn Kiếm	-	-	82.185.000.000	15.000.000.000	67.185.000.000	67.185.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Giảm do bán công ty Cổ phần Mía đường Nông Công Vay cá nhân	107.144.242.563	107.144.242.563	6.824.400.000	107.144.242.563	5.424.400.000	5.424.400.000
	700.000.000	700.000.000		2.100.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Vay dài hạn đến hạn trả	21.452.337.000	21.452.337.000	42.353.693.612	53.806.030.612	33.888.948.613	33.888.948.613
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Tuyên Quang	-	-	7.888.948.612	7.888.948.612	7.888.948.613	7.888.948.613
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - CN Tuyên Quang	-	-	26.000.000.000	16.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh	8.540.337.000	8.540.337.000	2.680.000.000	11.220.337.000	-	-
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh	6.432.000.000	6.432.000.000	3.284.745.000	9.716.745.000	-	-
Giảm do bán công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	6.480.000.000	6.480.000.000	-	6.480.000.000	-	-
Vay dài hạn	41.631.927.456	41.631.927.456	142.213.691.675	76.520.876.069	107.324.743.062	107.324.743.062
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tuyên Quang	-	-	47.333.691.675	7.888.948.613	39.444.743.062	39.444.743.062
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Tuyên Quang	-	-	83.000.000.000	26.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Tuyên Quang	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Bà Hoàng Thị Kim Ngân	-	-	880.000.000	-	880.000.000	880.000.000
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh	14.953.317.715	14.953.317.715	-	14.953.317.715	-	-
Ngân hàng Phát triển Trà Vinh	12.846.404.241	12.846.404.241	-	12.846.404.241	-	-
Giảm do bán công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	13.832.205.500	13.832.205.500	-	13.832.205.500	-	-
Cộng	324.560.921.638	324.560.921.638	1.512.147.261.099	1.093.123.019.518	767.474.111.832	767.474.111.832

Chi tiết về các khoản vay như: Giải ngân, thời hạn hoàn trả gốc, lãi vay, tài sản đảm bảo, tài sản thế chấp, lãi suất, đáo hạn, ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay, ... được thể hiện trong từng hợp đồng vay ký giữa Tổng Công ty và các công ty con với các tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>
	VND
Trong vòng một năm	33.888.948.613
Từ năm thứ hai	107.324.743.062
Cộng	<u>141.213.691.675</u>
<i>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)</i>	33.888.948.613
Số phải trả sau 12 tháng	<u>107.324.743.062</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	430.490.990.000	2.508.917.800	22.505.269.583	730.516.957	131.260.856.066	587.496.550.406
Lãi trong năm	-	-	-	-	44.914.573.497	44.914.573.497
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(30.134.369.296)	(30.134.369.296)
Trích lập các quỹ	-	-	1.289.946.914	235.583.428	(2.501.553.842)	(976.023.500)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(392.639.046)	(392.639.046)
Giảm khác	-	-	-	(755.386.716)	-	(755.386.716)
Số dư đầu năm nay	430.490.990.000	2.508.917.800	23.795.216.497	210.713.669	143.146.867.379	600.152.705.345
Số dư đầu năm nay	430.490.990.000	2.508.917.800	23.795.216.497	210.713.669	143.146.867.379	600.152.705.345
Giảm do bán công ty con	-	(1.375.647.668)	(14.956.192.382)	(210.713.669)	(10.064.621.728)	(26.607.175.447)
Tăng do mua công ty con	-	24.876	35.169.643.909	-	(18.036.219.382)	17.133.449.403
Tăng vốn trong năm	-	(181.908.432)	(16.106.318.443)	-	-	(16.288.226.875)
Lãi trong năm	-	-	-	-	110.173.955.245	110.173.955.245
Trích lập các quỹ	-	-	35.265.790.179	-	(38.889.824.765)	(3.624.034.586)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(64.573.648.500)	(64.573.648.500)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.029.955.385)	(2.029.955.385)
Số dư cuối năm	430.490.990.000	951.386.576	63.168.139.760	-	119.726.552.864	614.337.069.200

Chú: (i) Theo Nghị quyết số 2859/NQ-MĐI-HDQT ngày 30/12/2016:

- Tạm ứng cổ tức năm 2016 đợt 1: 21.524.549.500 đồng.

- Số cổ tức đã trả trong năm là 63.197.096.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	195.720.950.000	45,46%	195.720.950.000	45,46%
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	162.606.960.000	37,77%	162.606.960.000	37,77%
Tổng Công ty Mía đường II	34.250.000.000	7,96%	34.250.000.000	7,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	37.913.080.000	8,81%	37.913.080.000	8,81%
Cộng	430.490.990.000	100%	430.490.990.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp đầu năm	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		30.134.369.296

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	(1.090.367.407)	(995.761.434)
Công ty Cổ phần Bía rượu NGK Viger	8.701.924.443	8.515.712.616
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	-	30.341.221.589
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	105.226.323.510	-
Cộng	112.837.880.546	37.861.172.771

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	16.906.900	16.906.900
2. Nợ khó đòi đã xử lý	14.116.925.089	14.116.925.089
3. Ngoại tệ các loại		
- USD	100,00	100,00
- CNY	0	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu	1.803.269.650.380	1.385.019.082.387
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.783.245.740.007	1.376.728.213.424
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.515.128.457	7.778.678.963
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.320.863.691	512.190.000
Doanh thu khác	187.918.225	-
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	44.039.923.860	72.004.615.479
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	40.014.453.358	69.532.893.170
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đà Loan	3.048.565.740	2.471.722.309
Công ty TNHH Kim Hà Việt	976.904.762	-
Cộng	1.803.269.650.380	1.385.019.082.387
c) Các khoản giảm trừ doanh thu	762.160.002	2.079.955.405
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	604.288.156	2.049.690.532
- Giảm giá hàng bán	-	21.837.619
- Hàng bán bị trả lại	157.871.846	8.427.254

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.551.963.631.649	1.300.294.075.209
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.183.572.805	8.060.514.316
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.409.686.214	571.414.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(143.055.909)	(557.034.799)
	1.571.413.834.759	1.308.368.968.806

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.652.224.527	11.108.729.695
Cổ tức, lợi nhuận được chia	685.000.000	787.750.000
Lãi bán hàng trả chậm	5.938.803.443	6.098.857.656
Lãi vay được miễn giảm	-	5.090.539.094
Lãi cho vay hỗ trợ nông dân trồng mía	-	3.323.923.064
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	15.672.875.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	175.879.244	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	133.923.466	125.807.710
	31.258.705.680	26.535.607.219

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	42.782.927.003	12.115.156.392
Lãi chậm nộp	20.348.722.526	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.325.919	4.619.309
Chi phí tài chính khác	250.000.000	332.660.353
	63.389.975.448	12.452.436.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	65.133.150.154	43.271.819.182
Chi phí nhân viên quản lý	24.161.435.944	18.662.388.138
Chi phí thù lao hội đồng quản trị	1.190.076.499	1.085.530.318
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.941.070.295	2.393.492.871
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.330.892.889	2.180.604.094
Thuế, phí và lệ phí	2.226.586.146	1.496.048.697
Chi phí dự phòng	14.872.262.433	143.475.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.983.470.095	5.696.810.296
Chi phí vận chuyển	-	1.381.949.426
Phân bổ lợi thế thương mại	-	685.807.400
Chi phí bằng tiền khác	13.427.355.853	9.545.712.320
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	24.055.851.244	18.585.723.373
Chi phí nhân viên	5.576.184.549	4.487.395.489
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.794.761.096	1.773.139.672
Chi phí thuê kho, bốc xếp, vận chuyển	-	2.097.750.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	428.297.453	266.879.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.160.107.973	7.146.279.384
Chi phí bằng tiền khác	3.096.500.173	2.814.278.330

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.012.248.045	155.205.527
Thu tiền điện nước	35.496.969	118.892.879
Công nợ xác định không phải trả	-	37.265.631
Thành phẩm nhập kho thừa do kiểm kê	1.911.352.800	-
Vật tư nhập kho	1.380.923.000	-
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhân sự	2.283.621.265	1.590.931.092
Khoản thu hộ tiền thù lao	1.385.433.600	1.394.381.950
Thu nhập từ sản xuất thử	186.144.240	-
Điều chỉnh dự lượng VS2	405.611.854	-
Thu nhập khác	9.903.008.054	2.867.541.042
	18.503.839.827	6.164.218.121

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	296.167.884
Khoản chi trả hộ tiền thù lao	1.638.693.500	1.394.381.950
Tiền phạt chậm nộp thuế	45.872.225	112.956.611
Tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	297.856.663	-
Thanh lý vật tư	123.562.500	-
Các khoản khác.	1.204.796.963	994.679.544
	3.310.781.851	2.798.185.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.018.177.736	6.983.183.533
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.018.177.736	6.983.183.533

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	110.173.955.245	44.914.573.497
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(190.745.406)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.173.955.245	44.723.828.091
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	43.049.099	43.049.099
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.559	1.039
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	Cổ đông
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	Cổ đông
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ngoài khoản phải thu, phải trả bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 8 - Trả trước cho người bán, Thuyết minh số 18 - Người mua trả tiền trước, Tổng Công ty không còn số dư với các bên liên quan nào khác.

Giao dịch với các bên liên quan:

Ngoài khoản doanh thu với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 26 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Bản chất bên liên quan</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ		159.063.412.683	84.716.673.941
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh	98.839.161.927	83.934.112.377
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông lớn	46.912.866.667	-
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	Cổ đông lớn	13.287.619.048	-
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết	23.765.041	782.561.563
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhân sự		1.583.477.273	1.590.909.092
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam Đài Loan	Công ty liên doanh	1.583.477.273	1.590.909.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.608.975.282	3.467.905.882
Cộng	2.608.975.282	3.467.905.882

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (Bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (Bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	767.474.111.832	324.560.921.638
Trừ: Tiền và các khoản trong đương tiền	149.123.135.687	447.283.095.342
Nợ thuần	618.350.976.145	-
Vốn chủ sở hữu	727.174.949.746	638.013.878.116
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,85	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản trong đương tiền	149.123.135.687	447.283.095.342
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.587.983.066	137.639.043.585
Phải thu về cho vay	106.692.529.107	206.536.360.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	68.507.256.767
Đầu tư tài chính dài hạn	35.592.500.000	35.592.500.000
Tổng cộng	444.996.147.860	895.558.256.280
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	767.474.111.832	324.560.921.638
Phải trả người bán và phải trả khác	243.052.198.888	510.223.445.287
Chi phí phải trả	60.657.932.218	57.518.586.252
Tổng cộng	1.071.184.242.938	892.302.953.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (Thông tư 210), vì các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm. Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.123.135.687	-	149.123.135.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.579.163.066	8.820.000	153.587.983.066
Phải thu về cho vay	104.046.958.313	2.645.570.794	106.692.529.107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.592.500.000	35.592.500.000
Tổng cộng	406.749.257.066	38.246.890.794	444.996.147.860
Các khoản vay	660.149.368.770	107.324.743.062	767.474.111.832
Phải trả người bán và phải trả khác	240.692.483.718	2.359.715.170	243.052.198.888
Chi phí phải trả	23.466.595.943	37.191.336.275	60.657.932.218
Tổng cộng	924.308.448.431	146.875.794.507	1.071.184.242.938
Chênh lệch thanh khoản thuần	(517.559.191.365)	(108.628.903.713)	(626.188.095.078)
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	447.283.095.342	-	447.283.095.342
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.630.223.585	8.820.000	137.639.043.585
Phải thu về cho vay	197.232.422.894	9.303.937.692	206.536.360.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.507.256.767	-	68.507.256.767
Đầu tư tài chính dài hạn	-	35.592.500.000	35.592.500.000
Tổng cộng	850.652.998.588	44.905.257.692	895.558.256.280
Các khoản vay	282.928.994.182	41.631.927.456	324.560.921.638
Phải trả người bán và phải trả khác	508.012.802.784	2.210.642.503	510.223.445.287
Chi phí phải trả	20.327.249.977	37.191.336.275	57.518.586.252
Tổng cộng	811.269.046.943	81.033.906.234	892.302.953.177
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.383.951.645	(36.128.648.542)	3.255.303.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

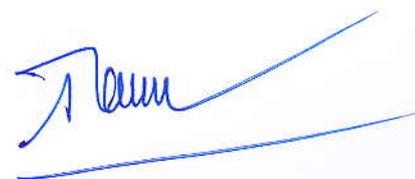
Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Chênh lệch
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	164.507.256.767	68.507.256.767	(96.000.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	101.232.422.894	197.232.422.894	96.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.316.087.200	1.197.941.442	(118.145.758)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(2.495.399.706)	(2.495.399.706)
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.605.082.805	37.194.552	(1.567.888.253)
Hàng tồn kho	681.997.544	1.014.002.462	332.004.918
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(390.645.911)	(390.645.911)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	498.103.406	-	(498.103.406)
Giá trị hao mòn lũy kế	(8.038.500.410)	(8.529.671.558)	(491.171.148)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.233.084.459	2.247.096.459	14.012.000
Chi phí trả trước dài hạn	2.412.177.582	150.663.611	(2.261.513.971)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.826.909	2.540.101.015	2.509.274.106
Chi phí phải trả ngắn hạn	793.901.949	6.693.867.443	5.899.965.494
Phải trả ngắn hạn khác	504.836.033	1.661.883.052	1.157.047.019
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(1.320.918.155)	(16.532.873.373)	(15.211.955.218)
LNST chưa phân phối kỳ này	(189.249.689)	(2.020.432.325)	(1.831.182.636)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	1.717.920.462	2.243.290.462	525.370.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.079.482.296	1.512.540.531	433.058.235
Chi phí khác	85.958.743	346.012.644	260.053.901




Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2017


Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng


Trần Đình Tiến
Người lập